

Kinh tế xanh và chiến lược phát triển rừng bền vững

○ NGUYỄN THỊ VINH

Phó Giám đốc Quỹ bảo vệ và Phát triển trồng rừng Nghệ An
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Nghệ An

Rừng có vai trò đặc biệt đối với môi trường sống của con người, do vậy chủ trương xã hội hoá nghề rừng là rất đúng đắn. Nhưng đồng hành với những chủ trương đó chúng ta cần phải nhìn nhận thẳng vào những bất cập, thách thức trong thực tiễn để kịp thời đưa ra những giải pháp, thúc đẩy chiến lược phát triển và bảo vệ rừng.



Rừng trồng ở Nghệ An.

Xã hội hoá nghề rừng

Có thể nói, hơn 10 năm trở lại đây, ngành lâm nghiệp nước ta đã chuyển biến mang tính cơ bản. Một trong những thay đổi có tính căn bản như nhận thức từ chủ trương phát triển sản xuất lâm nghiệp dựa vào quốc doanh là chính sang phát triển lâm nghiệp dựa trên cơ sở xã hội hoá ngày càng cao, trong đó người dân địa phương là lực lượng chủ yếu. Đây là bước tiến quan trọng về quan điểm, nhận thức và thừa nhận vai trò của tất cả các thành phần kinh tế trong sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng.

Chủ trương xã hội hoá nghề rừng đã được Nhà nước thể chế

hoá trong hệ thống pháp luật như Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, Luật Đất đai năm 2003, Luật BVMT năm 2005. Đáng chú ý là “Chương trình phát triển và quản lý rừng bền vững trong Chiến lược lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2006 – 2020” được coi là một chương trình trọng tâm với các mục tiêu cụ thể, trong đó có mục tiêu Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 16,24 triệu ha đất có rừng (8,4 triệu ha rừng sản xuất, 5,68 triệu ha rừng phòng hộ và 2,16 triệu ha rừng đặc dụng), sản lượng gỗ khai thác trong nước đạt 20-24 triệu m³/năm - đáp ứng về cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lâm sản, với 30% diện

tích rừng sản xuất được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững vào năm 2020.

Song song với đó là hệ thống chính sách mới cũng được xây dựng. Với chính sách giao đất giao rừng, chủ sử dụng đã đa dạng hơn trước, diện tích rừng đã giao trực tiếp cho các thành phần kinh tế, đất giao cho các hộ gia đình và tập thể tăng hơn 3 triệu ha. Chính sách tài chính đã cho phép đa dạng hoá nguồn vốn bảo vệ và phát triển rừng, cho phép triển khai rộng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng ở trung ương và địa phương đã được phép thành lập. Về sử dụng rừng, việc quan tâm xây

dụng thí điểm mô hình khai thác rừng và quản lý rừng bền vững ở một số lâm trường điểm đã xây dựng được Hướng dẫn khai thác rừng cộng đồng, hướng dẫn khai thác tác động thấp. Về phát triển rừng, Nhà nước quan tâm tới chính sách hỗ trợ phát triển rừng sản xuất tại Quyết định Số 147/2007/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ phát triển rừng sản xuất. Về bảo vệ rừng, Quyết định Số 126/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã cho phép thí điểm chia sẻ lợi ích trong quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng đặc dụng, chính sách hỗ trợ lương thực cho đồng bào dân tộc thiểu. Hợp tác quốc tế được đẩy mạnh. Nhiều cam kết đa phương liên quan tới quản lý rừng bền vững đã được ký kết như RAMSAR; CITES; Công ước về Luật Biển; Đối tác rừng Châu Á... Nhiều chương trình dự án liên quan trực tiếp tới quản lý rừng bền vững (QLRBV) đã được xây dựng và triển khai như Dự án "Quản lý rừng bền vững thương mại và tiếp thị các lâm sản chính tại Việt Nam", Dự án "thúc đẩy quản lý rừng bền vững", Chương trình hợp tác khu vực "Tăng cường khai thác rừng bền vững ở Châu Á", Chương trình UN-REDD Việt Nam Giai đoạn 1 nhằm chuẩn bị sẵn sàng cho việc triển khai sáng kiến "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng".

Với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, chứng chỉ rừng đã xây dựng Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của Việt Nam, được thông qua tại Hội thảo do Bộ NN&PTNT chủ trì và đã được trình Hội đồng chứng chỉ rừng quốc tế (FSC) xem xét. Đã có gần 20.000

ha rừng trồng đầu tiên của nước ta được cấp chứng chỉ.

Còn nhiều thách thức

Hiện tại, ngành lâm nghiệp nước ta còn phải đối mặt với nhiều thách thức và tồn tại, đó là: Tiến độ giao đất, giao rừng chậm. Các giải pháp sau giao đất để hộ gia đình gắn bó với nghề rừng và sử dụng tài nguyên hiệu quả chưa phù hợp. Hệ thống chính sách tuy khá đủ nhưng khi áp dụng thực tiễn còn nhiều mâu thuẫn, chưa thật sự tạo động lực để toàn dân tích cực và chủ động tham gia quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Chính sách về tín dụng ưu đãi trung, dài hạn theo chu kỳ sản xuất kinh doanh lâm nghiệp; chính sách hỗ trợ phát triển chế biến và thị trường cho sản phẩm rừng trồng ở địa bàn vùng sâu, vùng xa còn thiếu. Chưa có chính sách ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật lâm sinh. Thiếu chính sách hỗ trợ vật tư kỹ thuật thiết yếu, xây dựng các mô hình tham quan cho dân. Còn tồn tại việc phê duyệt và giao chỉ tiêu khai thác mang tính áp đặt, không căn cứ vào lượng tăng trưởng hằng năm. Thiếu chính sách giải quyết đầu ra cho cây dài ngày để người dân làm nghề rừng ổn định. Chưa có bước đột phá về công nghệ mới, sự quan tâm thoả đáng đến công nghệ khai thác và chế biến, đặc biệt là chế biến theo chiều sâu để nâng cao giá trị sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu. Tiến trình đổi mới lâm trường quốc doanh còn chậm. Chính sách thu hút đầu tư vào địa bàn lâm nghiệp chưa thật sự hấp dẫn do cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng địa bàn lâm nghiệp yếu kém. Hình thức đào tạo chưa sát thực tiễn. Năng lực điều phối ở cả trung ương lẫn địa phương rất hạn chế.

Thông tin, dự báo thị trường chưa bảo đảm tính chính xác, kịp thời và toàn diện. Hiện tại, rừng tự nhiên chủ yếu chỉ còn nhiều ở khu vực Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Trung Bộ. Các vụ săn bắt, khai thác trái phép vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi. Hiện chỉ còn 9% rừng giàu, 58% diện tích là rừng nghèo. Phát triển rừng chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ, 80% nguyên liệu gỗ phục vụ cho công nghiệp chế biến lâm sản vẫn còn phải nhập từ nước ngoài.

Trong bối cảnh BĐKH, việc khắc phục những tồn tại này càng đòi hỏi sự tham gia nỗ lực rất lớn của toàn xã hội, đặc biệt trong bối cảnh mà Việt Nam đang phải đối mặt với sự khắc nghiệt của thời tiết, thiên tai và thích ứng với BĐKH. BĐKH làm tăng nguy cơ dịch bệnh, nguy cơ cháy rừng. Các HST sẽ bị suy thoái, đặc biệt là HST ven biển và HST núi... Theo dự báo, năm 2070, các loài cây nhiệt đới vùng núi cao sẽ có thể sống được ở độ cao 100-550 m và dịch lên phía bắc 100-200 km. Điều này phải được quan tâm nghiên cứu kỹ, vì theo tự nhiên, một loài thực vật phải mất ít nhất 100 năm mới có thể sống và phát triển thành quần thể ở một nơi cách quê hương của nó chỉ có 1 km.

Đề xuất một số giải pháp

Tăng cường năng lực giám sát đánh giá và dự báo như: Kiểm tra giám sát thường xuyên hiệu quả sử dụng tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp. Điều tra đánh giá sinh khối và trữ lượng các bon. Đánh giá tác động, dự báo nguy cơ và đề xuất các giải pháp giảm thiểu, thích ứng. Đánh giá năng lực của các chủ rừng về quản lý rừng và chứng chỉ rừng sản xuất.

Các hoạt động thích ứng với BĐKH và cải thiện sinh kế bền

vững cũng nên chú trọng như: Nghiên cứu tác động của BĐKH đối với ĐDSH rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng. Tăng cường cơ sở vật chất cho phòng, chống cháy rừng. Xây dựng Trung tâm phòng, chống sâu bệnh hại rừng. Nghiên cứu chọn các loài có khả năng thích nghi với điều kiện mới do BĐKH đồng thời không gây ảnh hưởng xấu tới các loài khác để phát triển rừng. Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, cải thiện đời sống, ổn định nơi sinh sống cho người dân. Xây dựng và triển khai các dự án phát triển hệ thống rừng phòng hộ ven biển và các hợp phần phát triển rừng trong Đề án đê biển.

Rà soát lại các cơ chế, chính sách liên quan, đề xuất xây dựng hoặc sửa đổi bổ sung cơ chế chính sách để tăng cường sự tham gia chủ động của người dân địa phương. Đổi mới phương thức giao đất giao rừng để giải phóng sức sản xuất, giao theo năng lực quản lý; xây dựng chính sách đồng bộ sau giao đất, quan tâm tới chính sách liên kết hợp tác để tích tụ đất, phát triển sản xuất hàng hoá. Sửa đổi chính sách tín dụng ưu đãi trung và dài hạn trong lâm nghiệp; triển khai mạnh Nghị định Số 99/2010/NĐ-CP về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (PES); đa dạng hoá nguồn lực cho lâm nghiệp, đặc biệt là các nguồn tài chính mới như PES, REDD+; tăng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật lâm sinh và cơ sở vật chất kỹ thuật chế biến, tiêu thụ; tăng cường đầu tư cho kết cấu hạ tầng địa bàn lâm nghiệp. Xoá bỏ việc áp đặt chỉ tiêu khai thác không căn cứ vào lượng tăng trưởng hằng năm của rừng; thực hiện khai thác rừng theo phương án quản lý rừng bền

vững; phân cấp cho địa phương trong việc phê duyệt và giao chỉ tiêu khai thác, căn cứ vào phương án quản lý rừng bền vững, trong đó có lượng tăng trưởng hằng năm của rừng. Có cơ chế chính sách tăng cường vai trò giám sát, kiểm tra của cấp vĩ mô. Xây dựng chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho vùng sâu vùng xa; tiếp tục rà soát để giảm thủ tục phiền hà. Có hướng dẫn cụ thể về cải tạo rừng tự nhiên nghèo.

Xây dựng chính sách đồng bộ để hỗ trợ chuyển đổi phương thức canh tác, cơ cấu cây trồng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất; xây dựng chính sách khuyến khích trồng cây gỗ lớn và giải quyết đầu ra cho dân để cải thiện đời sống, bảo đảm thu nhập ổn định. Xây dựng hướng dẫn cụ thể để các doanh nghiệp lâm nghiệp có thể hoạt động dưới dạng doanh nghiệp đặc thù, vừa cung cấp dịch vụ công ích, vừa sản xuất kinh doanh rừng hiệu quả; có giải pháp khuyến khích liên doanh liên kết giữa doanh nghiệp và dân. Nghiên cứu về hợp tác xã lâm nghiệp kiểu mới để tập hợp dân làm nghề rừng.

Tăng cường năng lực: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của các cấp các ngành về tác động của BĐKH trong lâm nghiệp, tăng cường phổ biến kiến thức cho cộng đồng người dân về các giải pháp ứng phó. Xây dựng đề án tăng cường đội ngũ cán bộ khuyến lâm cơ sở, bảo đảm các xã có rừng có ít nhất 1 cán bộ lâm nghiệp; chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ khuyến lâm cơ sở; chính sách hỗ trợ vật tư kỹ thuật thiết yếu; đẩy mạnh xây dựng, phổ biến sổ tay kỹ thuật cho từng vùng, quan tâm tới đối tượng là hộ

dân; phát triển khuyến lâm có sự tham gia thực sự của người dân. Xác định rõ đối tượng cần đào tạo và cơ cấu đào tạo phù hợp với yêu cầu của ngành và địa phương, tăng cường đào tạo lực lượng công nhân tay nghề cao và bổ sung chuyên gia đầu đàn.

Tập huấn xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và tự giám sát, đánh giá. Đào tạo đánh giá/kiểm định viên về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.

Chú trọng đến công tác nghiên cứu và chuyển giao KHCN để tìm ra cơ cấu cây trồng phù hợp cho các vùng và kịch bản của BĐKH. Đẩy mạnh đầu tư nhập công nghệ tiên tiến phù hợp để nâng cao chất lượng và sản lượng, tăng sức cạnh tranh, chủ động hội nhập. Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều tra tài nguyên rừng và BVMT.

Tích cực thúc đẩy và xúc tiến các mối quan hệ quốc tế. Tăng cường phối hợp thực hiện các cam kết đa phương về môi trường liên quan tới BĐKH như Công ước chống sa mạc hoá của Liên Hợp Quốc, Công ước ĐDSH, Công ước RAMSAR, CITES... Lồng ghép vấn đề "kinh tế xanh" hướng tới phát triển bền vững trong các chương trình dự án về hợp tác quốc tế đang và sẽ triển khai về lâm nghiệp.

Vai trò của cộng đồng địa phương rất quan trọng: Từng địa phương xây dựng chương trình hành động và dự án cụ thể mang tính đa ngành, đa lĩnh vực, lồng ghép các nguồn vốn để tổ chức thực hiện. Thực hiện chiến lược tăng cường sự tham gia, lấy ý kiến các cấp, các ngành và cộng đồng địa phương trong quá trình ra quyết định. ■